

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận

Ngày 30/09/2025	3,630 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.7%	2.0%	-

DT thuần Q3/25
30.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.30 -15.0%
YoY: ▼71.0 -70.3%

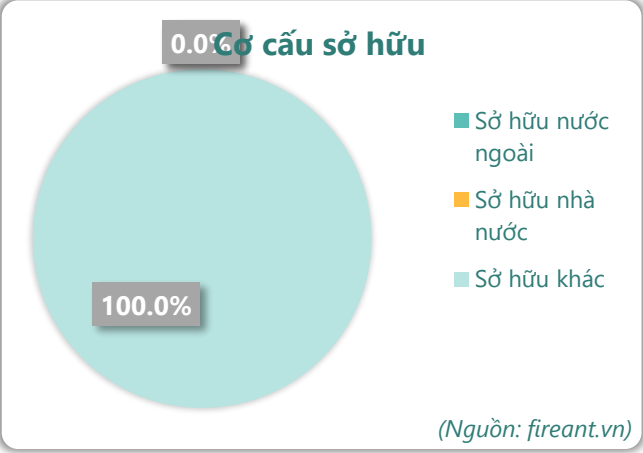
LN thuần Q3/25
-1.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 292 99.5%
YoY: ▼1.69 -562%

LN sau thuế Q3/25
1.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 295 101%
YoY: ▲ 1.40 540%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
5.5%
YoY: +/-▲ 833%

ROE (TTM) Q3/25
-38.6%
YoY: +/-▲ 0.2%

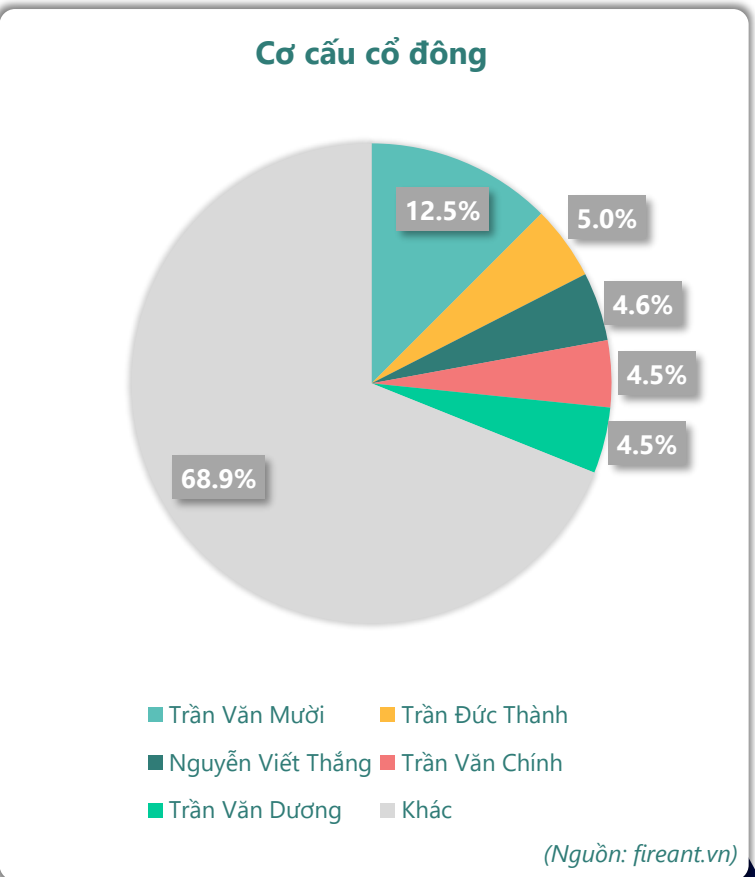
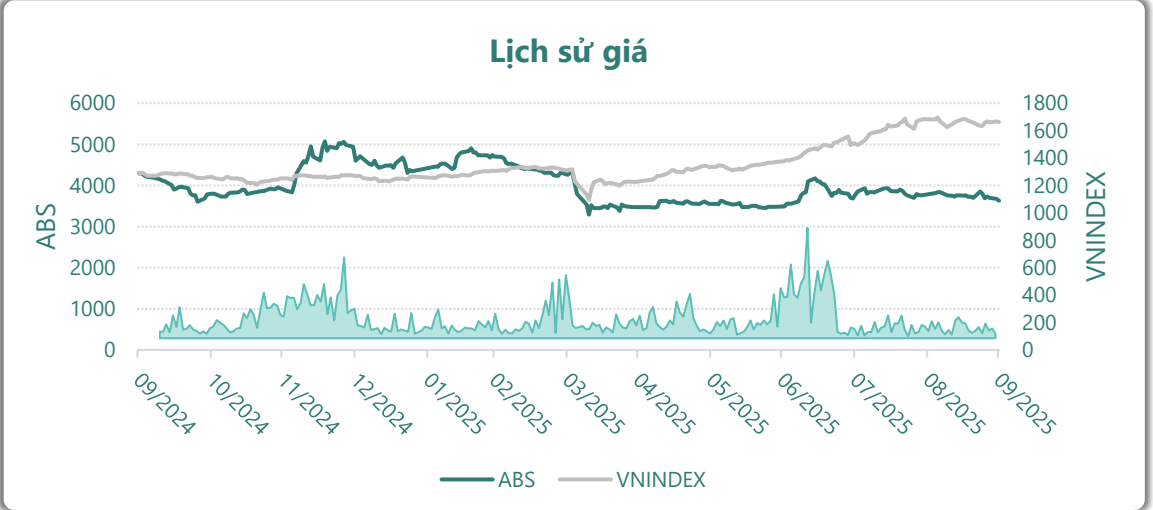
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,290 - 5,070
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	193,960
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	
P/E	



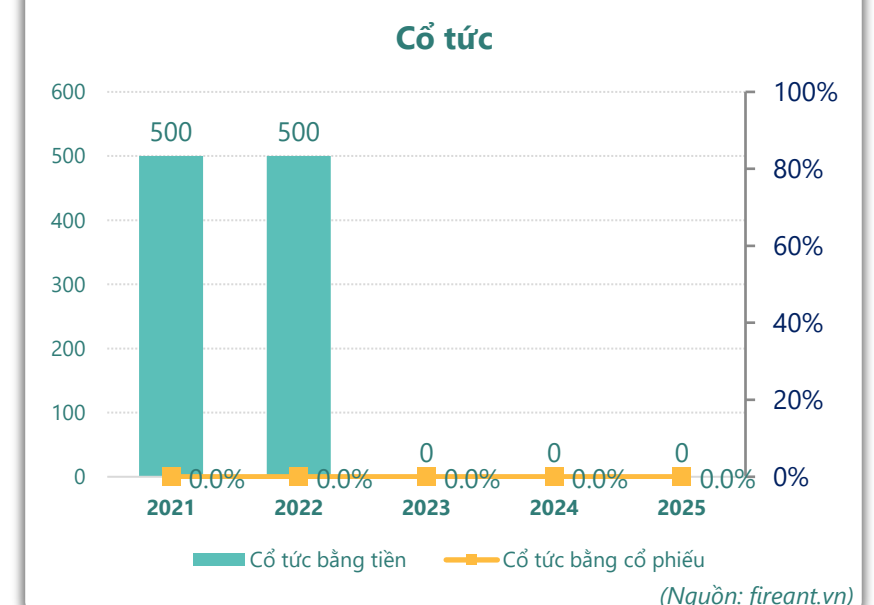
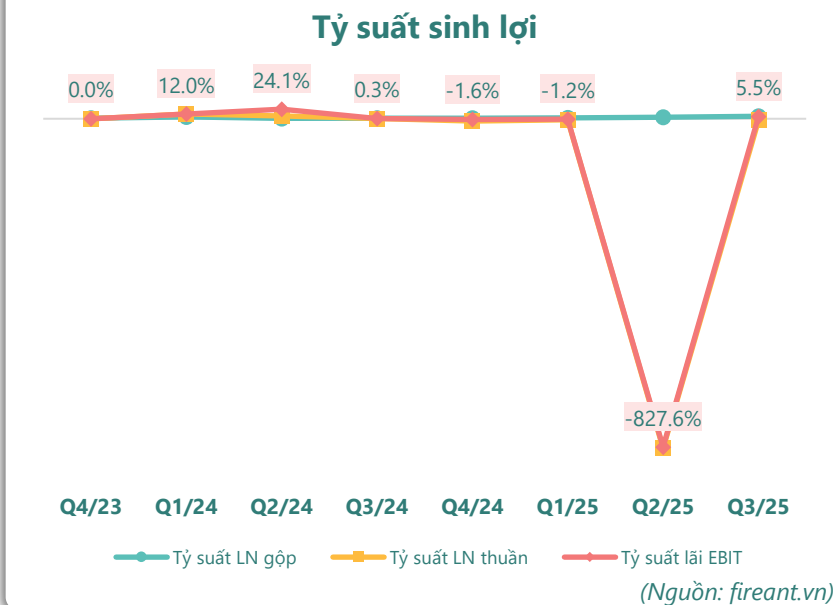
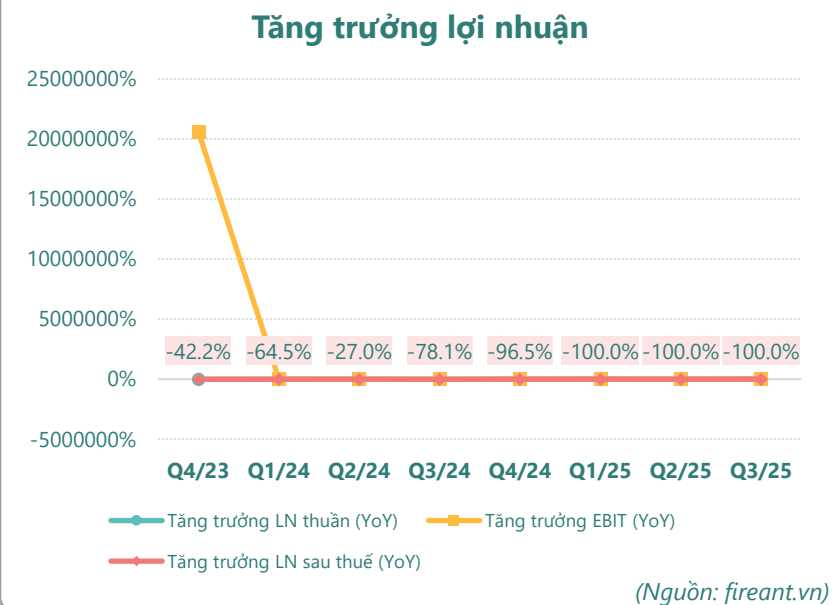
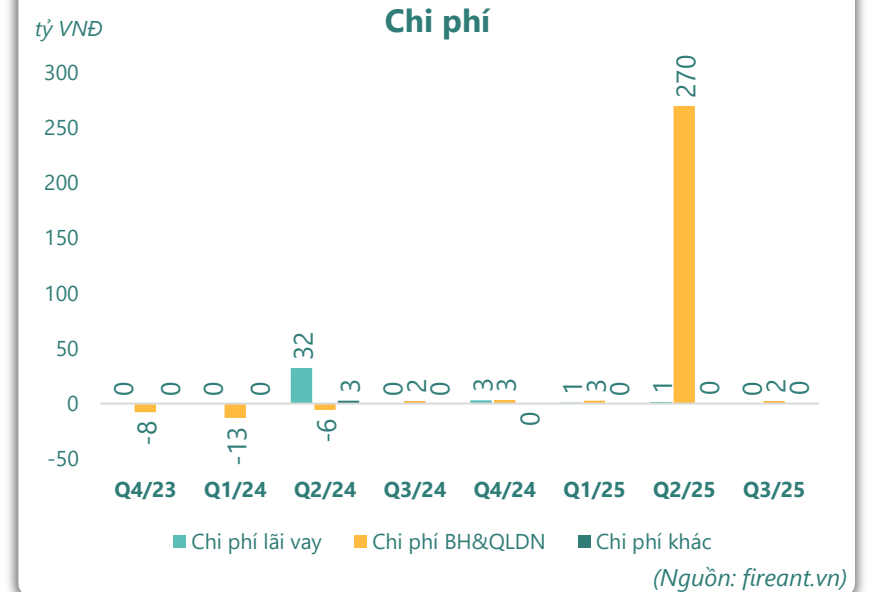
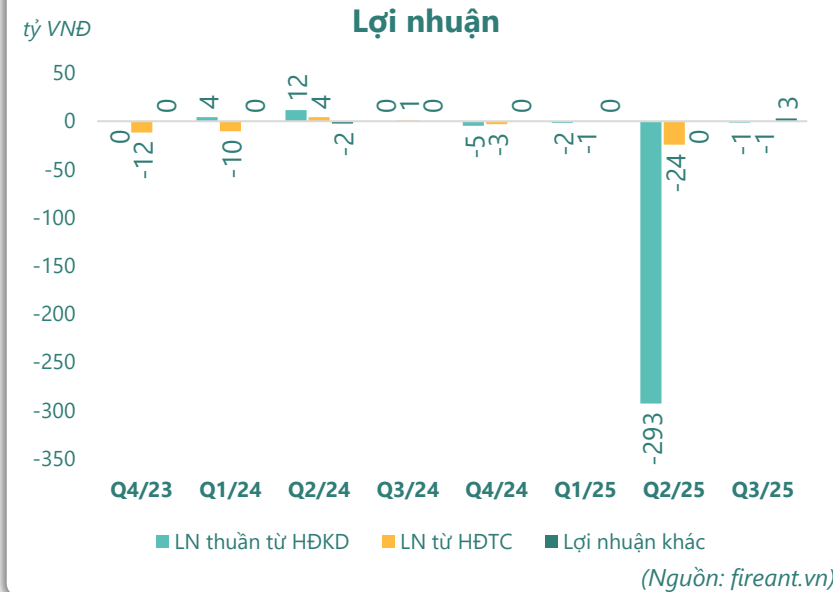
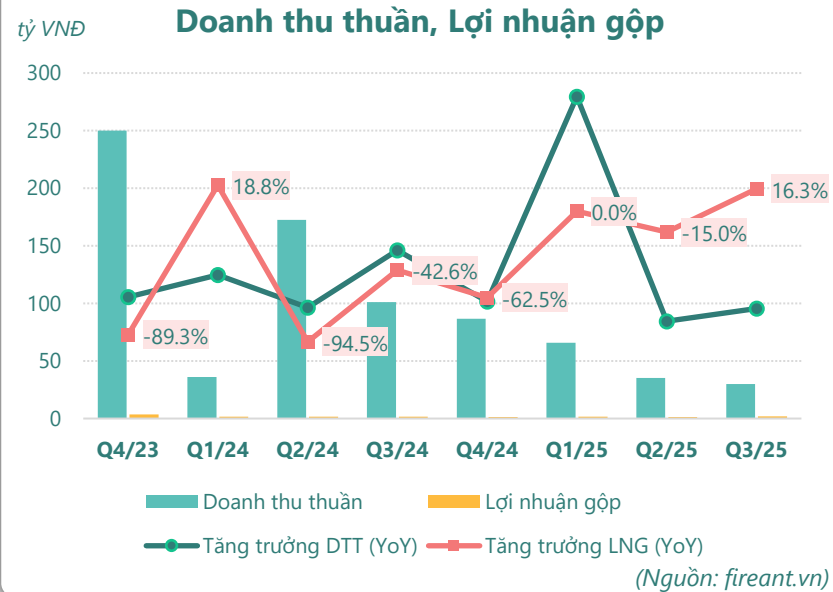
DT thuần 9T 2025
131
tỷ VNĐ
YoY: ▼179 -57.6%

LN thuần 9T 2025
-296
tỷ VNĐ
YoY: ▼312 -1915%

LN sau thuế 9T 2025
-293
tỷ VNĐ
YoY: ▼300 -4225%



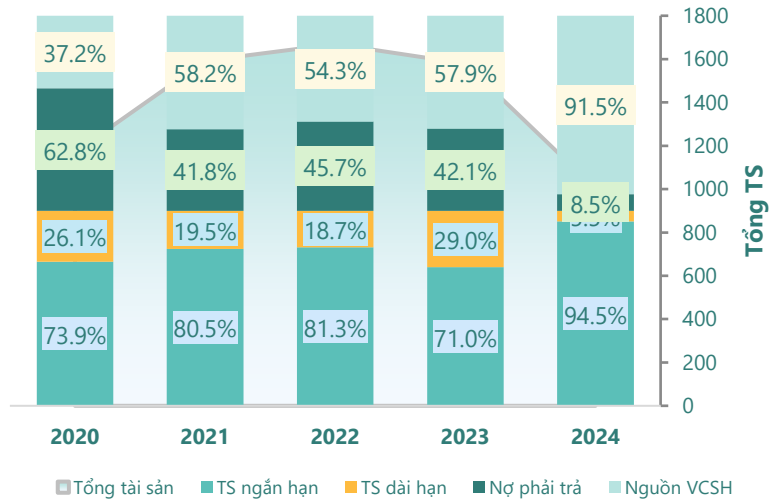
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

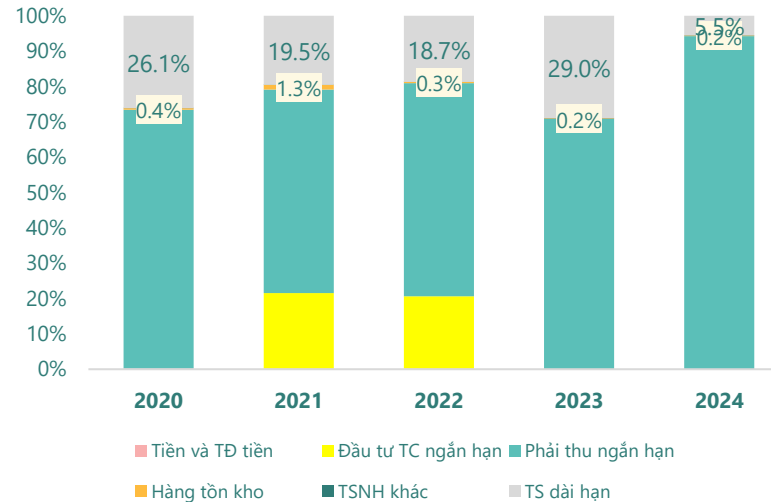
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

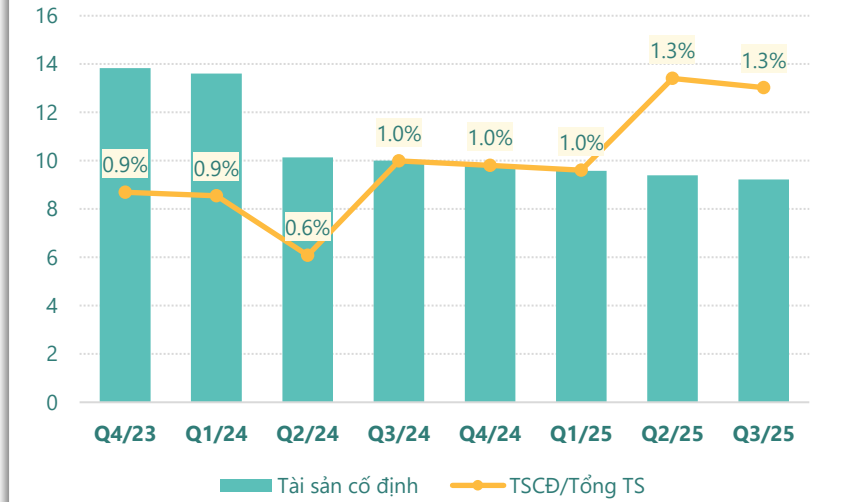
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

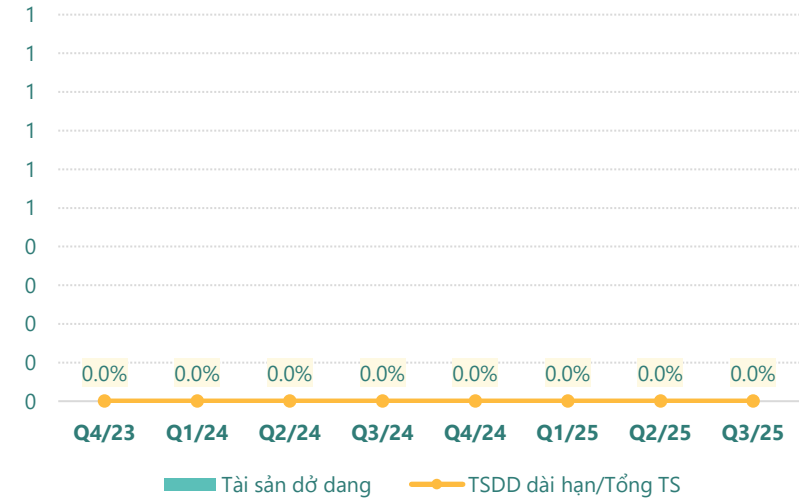
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

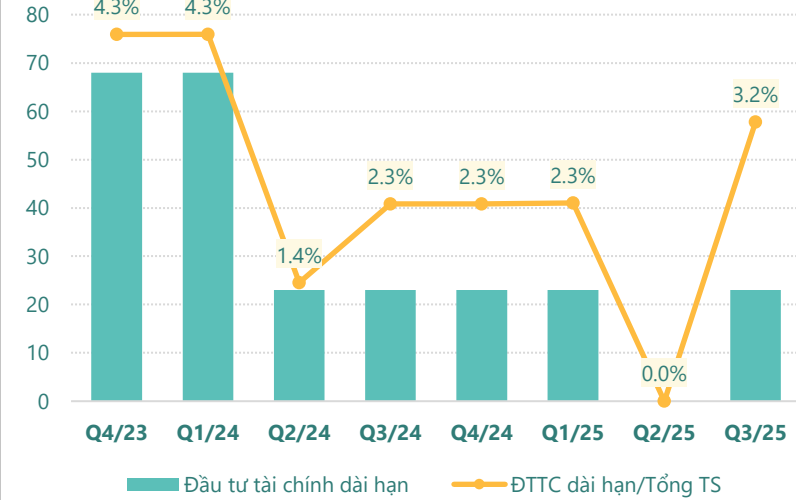
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

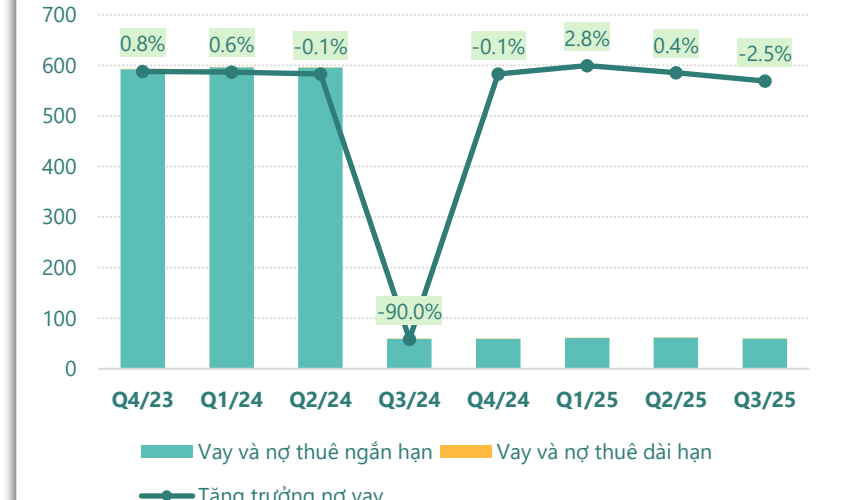
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

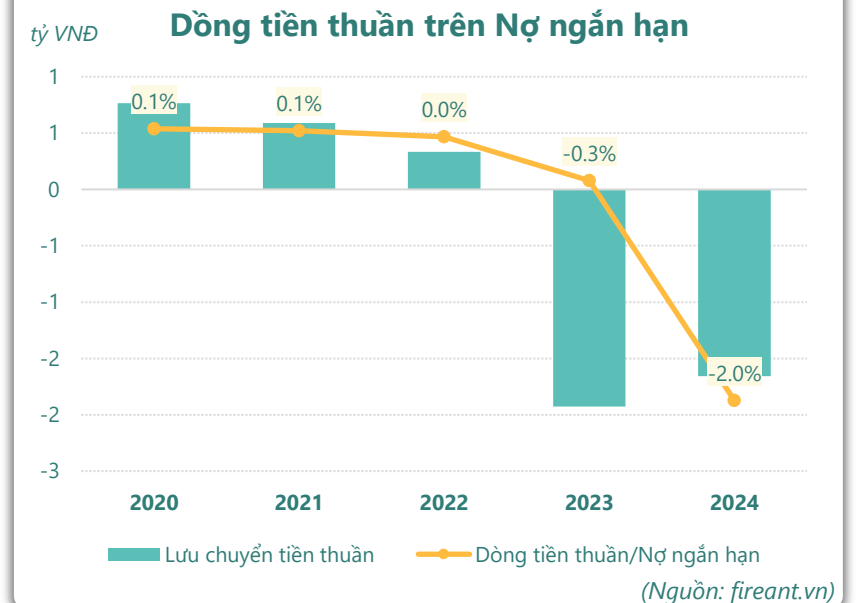
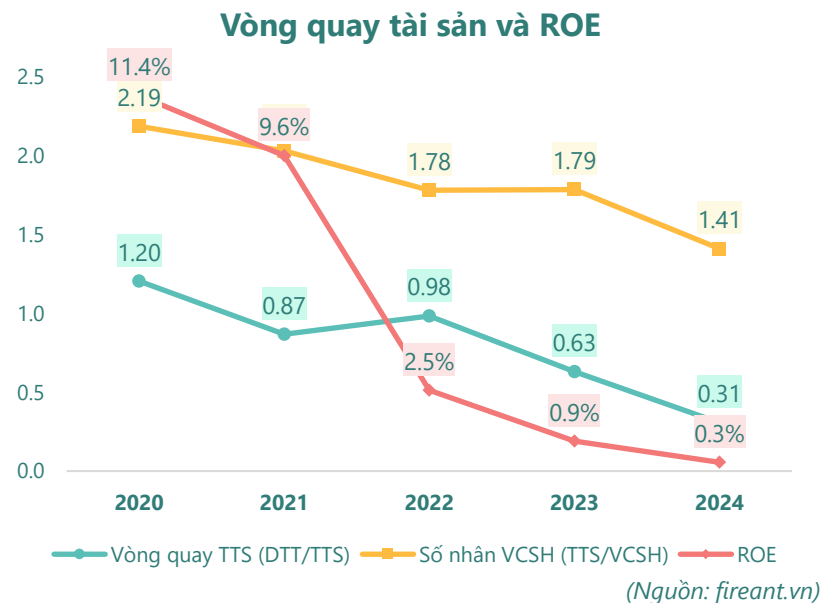
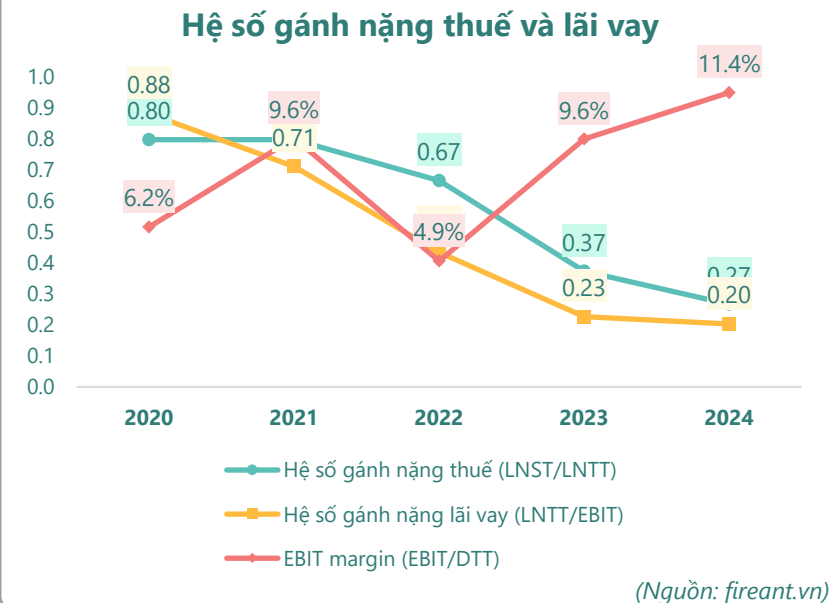
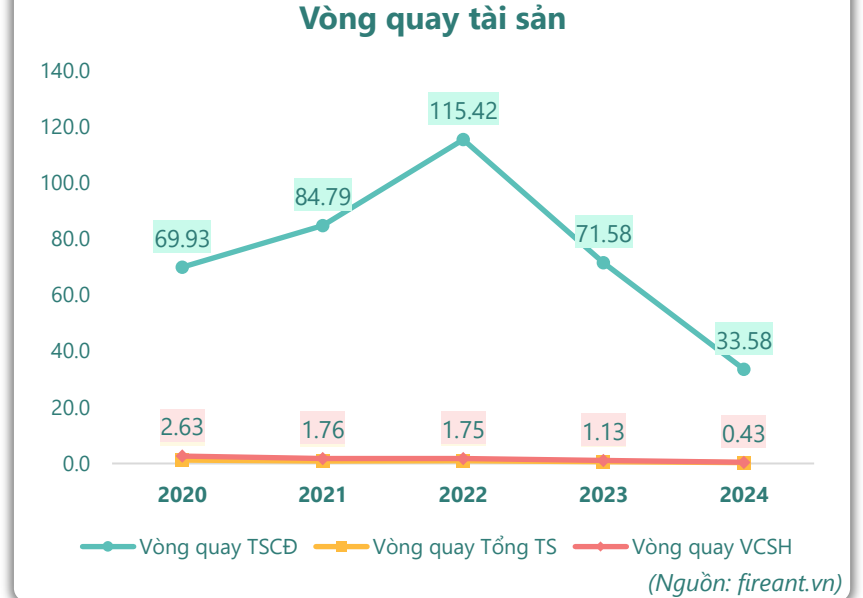
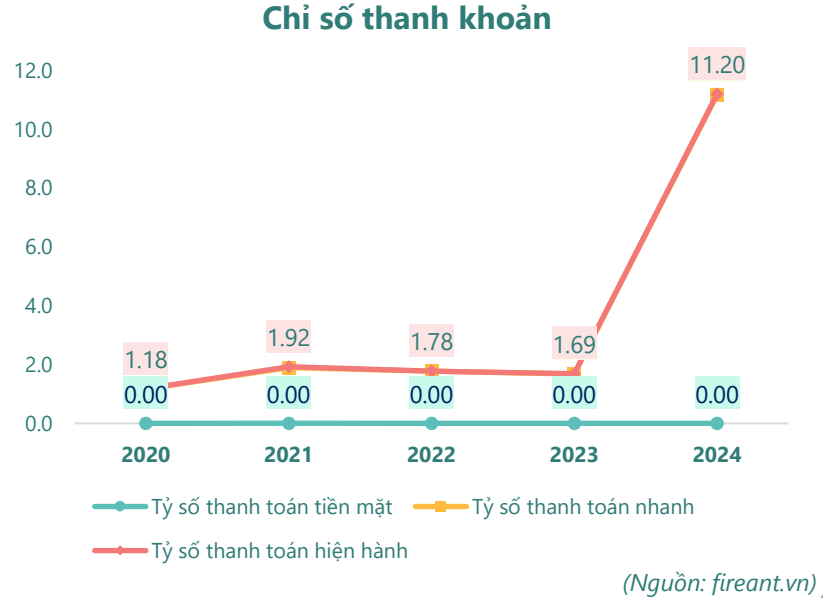
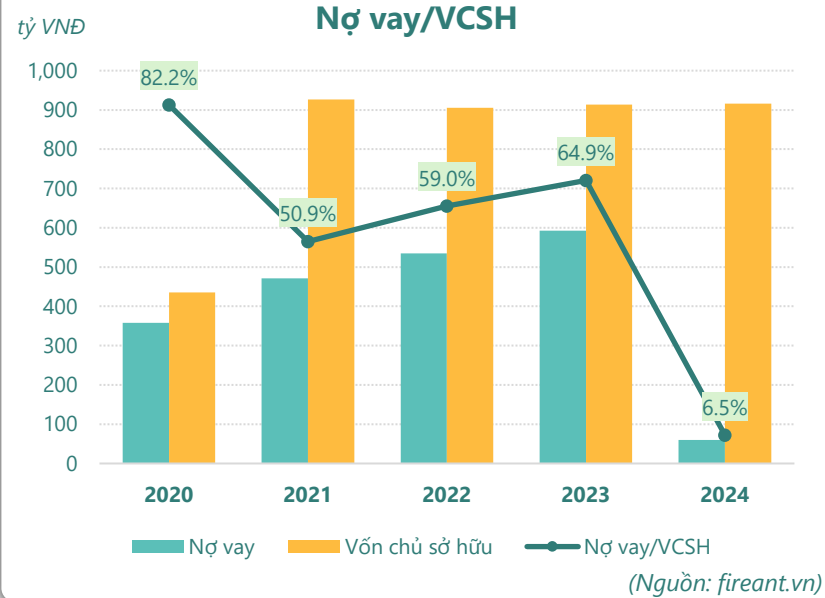
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	30.0	101	-70.3%	131	310	-57.6%
Giá vốn hàng bán	28.1	99.4	-71.7%	126	305	-58.6%
Lợi nhuận gộp	1.87	1.61	16.2%	4.96	4.96	0.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	2.17	-100.0%	0.11	28.4	-99.6%
Chi phí TC	0.88	1.11	-20.5%	26.2	33.4	-21.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		2.29	32.3	-92.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.21	1.11	9.0%	4.03	3.55	13.6%
Chi phí QLDN	1.16	1.26	-7.6%	271	-20.0	1456%
LN thuần từ HĐKD	-1.39	0.30	-562%	-296	16.3	-1915%
Lợi nhuận khác	3.05	0.03	10064%	2.96	-2.34	226%
LN trước thuế	1.66	0.32	420%	-293	14.0	-2198%
Lợi nhuận sau thuế	1.66	0.26	540%	-293	7.11	-4225%
LNST của CĐ cty mẹ	1.66	0.26	540%	-293	7.11	-4225%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.0	516	-0.43	-1.74	-0.22	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	0.07	0.04	0.07	0.03	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.52	-536	-0.06	1.65	0.23	0
Tiền đầu kỳ	1.06	21.1	0.57	0.12	0.10	0
Lưu chuyển tiền thuần	20.5	-20.5	-0.45	-0.02	0.04	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.5	0.57	0.12	0.10	0.14	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	708	1,002	-29.3%
Tài sản ngắn hạn	672	946	-29.0%
Tiền và tương đương tiền	0.97	0.12	715%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	664	944	-29.6%
Hàng tồn kho	6.01	1.87	222%
Tài sản ngắn hạn khác	0.34	0.25	37.8%
Tài sản dài hạn	36.2	55.2	-34.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.22	9.76	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	18.5	-100%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	23.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.03	3.99	1.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	84.7	85.2	-0.5%
Nợ ngắn hạn	84.2	84.5	-0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.8	59.2	0.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.86	2.82	-69.6%
Nợ dài hạn	0.52	0.70	-25.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.22	0.40	-45.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	623	916	-32.0%
Vốn chủ sở hữu	623	916	-32.0%
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

